

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 102/2024/HS-ST
Ngày 18/9/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Thế Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Đỗ Thị Hoài Mơ – Cán bộ hưu;

- Bà Nguyễn Thị Yên – Cán bộ hưu

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lưu Thị Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 92/2024/TLST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2024; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2024/QĐXXST-HS ngày 29/8/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn T, sinh năm 1982; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam.

Nơi cư trú: Thôn C, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 08/12; bố đẻ: Nguyễn Văn L, sinh năm 1961; mẹ đẻ: Dương Thị P, sinh năm 1963; gia đình có 03 anh em, bản thân là con thứ nhất trong gia đình; vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1990; bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2021.

Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Hiện bị cáo tại ngoại. Có mặt.

Bị hại: Ông Lê Văn P1 (đã chết)

Đại diện hợp pháp của bị hại:

- Bà Vũ Thị Q, sinh năm 1940

- Ông Lê Văn M, sinh năm 1973

- Bà Lê Thị M1, sinh năm 1969;
- Ông Lê Văn H1, sinh năm 1975.

Bà Q, bà M1, và ông H1 ủy quyền cho ông Lê Văn M tham gia tố tụng. Cùng ở địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang. (ông M vắng mặt).

2.4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Lý Văn T1, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Anh Giáp Văn T2, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn D, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1982 trú tại thôn C, xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang có giấy phép lái xe hạng FC theo quy định, T đang làm lái xe thuê cho anh Lý Văn T1, sinh năm 1981 trú tại thôn H, xã T, huyện L và anh Giáp Văn T2, sinh năm 1989 trú tại thôn D, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Khoảng 7 giờ ngày 06/4/2024, T được anh T2 giao xe ô tô biển kiểm soát (BKS) 98F- 012.63, kéo sơ mi rơ mooc BKS 98R-031.48 đi chở vật liệu xây dựng, đất đá từ thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn về xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi giao hàng xong, T điều khiển xe ô tô BKS 98F-012.63, kéo sơ mi rơ mooc BKS 98R-031.48 đi trên đường T hướng xã B, huyện L đi huyện L để lên thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn vận chuyển chuyển hàng tiếp theo. Đến khoảng 10 giờ 05 phút cùng ngày khi đi đến K+ 480 thuộc khu vực ngã tư thị tứ B, xã B, huyện L, T xi nhan rẽ phải vào Quốc lộ C, hướng thị trấn K, huyện L do không chú ý quan sát, chuyển hướng rẽ không đảm bảo an toàn, không giữ khoảng cách an toàn đối với xe chạy liền trước nên đã để phần bên phải ba dờ sóc trước của xe ô tô do T điều khiển va chạm với phần bên trái khung giá đỡ hàng phía sau của xe đạp do ông Lê Văn P1, sinh năm 1939 trú tại thôn T, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang đang đi phía trước cùng chiều. Hậu quả làm ông P1, xe đạp đổ ngã ra đường và ông P1 bị lớp xe bên phải phía trước xe ô tô của T đè qua dẫn đến tử vong tại chỗ. Kết quả kiểm tra nồng độ cồn và việc sử dụng chất ma túy đối với T: 0,00mg/1 lít khí thở và âm tính với các loại ma túy (BL 211- 212).

Sau khi vụ tai nạn giao thông đường bộ xảy ra, Cơ quan điều tra cùng Đội Cảnh sát giao thông trật tự Công an huyện L và Cơ quan chuyên môn đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, kết quả:

Về khám nghiệm hiện trường: Hiện trường nơi xảy ra vụ việc tại khu vực ngã tư giao nhau giữa đường Q (QL37) và đường T (TL295) thuộc địa phận thị tứ B, xã B, huyện L. Trên trục đường TL 295, phía đường đi Vôi có mặt đường trải nhựa phẳng rộng 7,7m, phía đường đi Ủy ban nhân dân (UBND) xã T có mặt đường trải nhựa phẳng rộng 9,4m; chọn hướng đi từ UBND xã T tới thị trấn K làm hướng chuẩn, trên lề đường bên phải có đặt cột điện bê tông trên có ký tự 63III/HV2 chọn làm mốc chuẩn 1. Trên trục đường QL37, phía đường đi ngã tư T có mặt đường trải nhựa phẳng rộng 7,4m; phía đường đi thị trấn K có mặt

đường trải nhựa phẳng rộng 7,4m. Chọn hướng đi từ UBND xã T tới thị trấn K làm hướng chuẩn, trên lề đường bên phải có đặt cột mốc trên có ký tự H5/36 chọn làm mốc chuẩn 2. Khu vực ngã tư giao nhau mặt đường trải nhựa phẳng, không đặt vòng xuyên chọn hướng đi từ UBND xã T tới thị trấn K làm hướng chuẩn, chọn mép cong bên phải làm mép chuẩn. Đánh số thứ tự các phương tiện, dấu vết tại hiện trường: Xe ô tô đầu kéo BKS 98F-012.63 kéo theo sơ mi rơ móc BKS 98R-031.48 ký hiệu (1); Dấu vết trượt bám dính vật chất màu đen ký hiệu (2); Dấu vết trượt xước ký hiệu (3); Xe đạp màu sơn xanh ký hiệu (4); Vùng dấu vết vật chất màu nâu đỏ ký hiệu (5). Đặc điểm các phương tiện, dấu vết tại hiện trường: 01 xe ô tô đầu kéo BKS 98F-012.63 kéo theo sơ mi rơ móc BKS 98R-031.48 dừng đỗ trên mặt đường đầu xe hướng Kép, đuôi xe hướng UBND xã T, ký hiệu (1). Xe (1) có 06 hàng trục bánh, đánh số thứ tự theo chiều từ trên xuống dưới lần lượt là hàng trục bánh 1 tới hàng trục bánh 6. Trục bánh 6 bên phải xe cách mốc chuẩn 1 là 8m về phía thị trấn K, cách mốc chuẩn 2 là 26,7m về phía UBND xã T, cách mép chuẩn 3m; trục bánh 1 bên phải cách mốc chuẩn 1 là 17,8m về phía thị trấn K, cách mốc chuẩn 2 là 19,2m về phía UBND xã T. Dấu vết trượt bám dính vật chất màu đen trên mặt đường dạng song song kích thước (0,6 x 0,47) m ký hiệu (2). Dấu vết có chiều hướng từ UBND xã T tới thị trấn K, điểm đầu vết cách mốc chuẩn 1 là 12,6m về phía thị trấn K, cách mép chuẩn 4,35m, cách mốc chuẩn 2 là 23,6m về phía UBND xã T; điểm cuối vết cách mốc chuẩn 1 là 13m về phía Kép, cách mốc chuẩn 2 là 23,1m về phía UBND xã T. Hệ thống dấu vết trượt xước trên mặt đường không liên tục kích thước (0,7x 0,45)m, ký hiệu (3). Dấu vết có chiều hướng từ UBND xã T tới K, điểm đầu vết cách mốc chuẩn 2 là 22m về phía UBND xã T, cách trục bánh 1 bên phải xe (1) là 2,7m về phía UBND xã T; điểm cuối vết cách mốc chuẩn 2 là 21,5m về phía UBND xã T, cách mép chuẩn 4,8m. Xe đạp màu sơn xanh đỏ nghiêng phải trên mặt đường đầu xe hướng thị trấn K, đuôi xe hướng UBND xã T, ký hiệu (4). Trục bánh sau xe (4) cách điểm cuối vết (3) là 1,7m về phía thị trấn K; cách mốc chuẩn (2) là 20,9m về phía UBND xã T, trục bánh trước xe cách mép chuẩn 6m, cách mốc chuẩn 2 là 19,9m về phía UBND xã T. Vùng dấu vết vật chất màu nâu đỏ dạng vũng và quệt dài không rõ hình trên diện (2,4 x 2,0) m ký hiệu (5) trên mặt đường, điểm gần nhất cách trục bánh 1 bên phải xe (1) là 0,6m về phía UBND xã T, cách mép chuẩn 2,3m, điểm gần nhất vết (5) đầu phía UBND xã T cách điểm cuối vết (3) là 0,2m. Trên lề phải phần đường đi UBND xã T cách hiện trường 10m về phía Tam Dị có đặt biển chỉ dẫn hướng đi tại ngã tư sắp tới

Quá trình khám nghiệm Cơ quan CSĐT Công an huyện L tạm giữ: 01 giấy phép lái xe mô tô hạng FC số 270079271094 do Sở giao thông vận tải tỉnh B cấp ngày 30/10/2024 mang tên Nguyễn Văn T; 01 xe đạp nhãn hiệu HUGE, màu xanh (đã qua sử dụng); 01 xe ô tô BKS 98F-012.63 có số khung LZZ1CLVB7PD169734, số máy MC114450231117220177 kéo theo sơ mi rơ móc BKS 98R-031.48 có số khung LA9SZ80M8PGLYL776 (BL 36-38).

Về khám nghiệm tử thi ông Lê Văn P1: Các dấu vết tổng thương: Vùng đầu tóc đen, có điểm bạc, cắt trung bình. Hai lỗ mũi và khoang miệng có máu chảy

từ trong ra, hai mắt khép kín. Vùng mặt, cổ có diện sây sát da bầm tím kích thước (21x14)cm. Vùng ngực, bụng có nhiều vết sây sát da bầm tím trên diện (45x32)cm sờ nắm thấy gãy phức tạp xương lồng ngực hai bên. Dập nát, rách da cánh tay, khuỷu tay, cẳng tay trái để lộ cơ, xương kích thước (23x9)cm, kiểm tra thấy gãy hở phức tạp xương cánh tay, cẳng tay trái. Dập nát, rách da vùng bụng, hạ xệ xương ngực và đùi phải để lộ tổ chức nội tạng cơ, xương kích thước (59x38)cm. Kiểm tra thấy gãy vỡ phức tạp xương chậu và xương đùi phải. Dập nát rách da cẳng chân phải để lộ cơ xương kích thước (28x11)cm. Dập nát rách da bàn chân phải để lộ cơ, gân xương kích thước (21x9)cm. Kiểm tra tổn thương vùng bụng, hạ vị, sinh dục và đùi phải thấy bầm dập tổ chức dưới da cơ, tổ chức nội tạng dập nát thoát ra ngoài, tổn thương mạch máu, thần kinh phức tạp. Chọc hút khoang lồng ngực hai bên thấy có nhiều máu không đông (BL 52-53).

Về khám nghiệm phương tiện:

- Khám nghiệm xe đạp nhãn hiệu HUGE, màu xanh đã qua sử dụng phát hiện các dấu vết: Mặt ngoài cạnh bên trái giá thò hàng phía sau có vùng dầy vết trượt xước, kích thước (22x0,3)cm. Điểm thấp nhất cách đất 66cm, điểm cao nhất cách đất 71,5cm. Giá thò hàng bị cong gập, biến dạng dầy từ trái qua phải. Mặt cạnh bên phải có rải rác các dấu vết trượt xước, bám dính rải rác vật chất dạng bột màu trắng phải kích thước (14x13)cm. Mặt ngoài cạnh bên phải chắn bùn bên bánh sau và mặt ngoài vành xe bên phải bánh sau có vùng dấu vết trượt xước bám dính rải rác vật chất dạng bột màu trắng, kích thước (24x8)cm. Trên vùng này phần kim loại bị cong vênh biến dạng, trên vành xe có vết nứt gãy phải thanh kim loại gia cố chắn bùn bánh sau và trục bên trái bị dầy cong vênh biến dạng chiều hướng từ trái qua phải. Bánh xe phía sau bị dầy cong vênh, biến dạng, chiều hướng từ trái qua phải. Mặt ngoài thành kim loại bên trái gia cố với trục bên trái bánh sau và giá thò hàng phía sau có vùng dấu vết trượt xước kích thước (11x0,3)cm. Điểm thấp nhất cách đất 5,5cm, điểm cao nhất cách đất 66cm. Mặt ánh lốp trước có vùng dấu vết trượt xước kích thước (50x2)cm. Yên xe bị bung bật khỏi vị trí cố định, gãy chốt cố định bên trái, trên bề mặt yên xe góc bên phải có vùng dấu vết trượt xước bám dính vật chất màu nâu, cam, kích thước (23x10)cm. Giỏ để đồ phía trước đầu xe bị cong vênh biến dạng, chiều hướng từ trước về sau, từ trái qua phải. Mặt bên trái có rải rác các dấu vết trượt xước trên diện (27x13)cm. Đầu tay nắm bên trái có dấu vết trượt xước (2x1)cm. Đầu tay phanh bên trái có dấu vết trượt xước (1x0,5)cm. Vành bánh xe bên phải bánh trước có vùng dấu vết biến dạng, chiều hướng từ ngoài vào tâm trục, kích thước (6x2,5)cm, tâm vết cách chân van 33cm theo ngược chiều tiến của bánh xe. Mặt ngoài bên phải trục bánh sau có dấu vết trượt xước kích thước (5,5x2,5)cm. Mặt ngoài bên phải trục bánh sau có dấu vết trượt xước bám dính chất bột màu trắng, kích thước (1x1)cm. Kiểm tra phần kim loại bị rời khỏi xe thấy mặt ngoài có rải rác các dấu vết trượt xước, bám dính chất bột màu trắng kích thước (5,5x5)cm. Phần kim loại bị cong vênh biến dạng. Hệ thống phanh sau không kiểm tra được do bị hư hỏng sau tai nạn. Hệ thống phanh trước còn hoạt động (BL 102-103).

- Khám xe ô tô BKS 98F-012.63, kéo rơ mooc 98R-031.48 phát hiện các dấu vết: Mặt ngoài góc bên phải cản đà trước có vùng dấu vết trượt xước bám dính vật chất màu nâu đen chiều chiều hướng từ trước về sau, kích thước (11x1)cm. Điểm thấp nhất cách đất 57cm, điểm cao nhất cách đất 64cm. Mặt ngoài ốp phía dưới cụm đèn chiếu sáng và đèn tín hiệu trước bên phải đầu xe có vùng dấu vết chùi sạch bụi bẩn, kích thước (17x8)cm. Mặt ngoài má lốp của bánh một bên phải có vùng dấu vết trượt xước có bám dính vật chất dạng mô tế bào trên diện (16x8) cm, dấu vết chiều hướng từ ngoài vào tâm trục, điểm gần nhất cách số 8 của dòng chữ “TR668” là 7cm. Mặt ngoài má lốp của bánh một bên phải có dấu trượt xước kích thước (6x6) cm, chiều hướng từ ngoài vào tâm trục. Điểm gần nhất cách chữ T của dòng chữ “TRIANGLE” là 20cm theo chiều cùng chiều tiến của bánh xe. Trên mặt lặn bánh một bên phải có dấu vết trượt xước kích thước (32x20)cm chiều hướng ngược chiều tiến của bánh xe, điểm gần nhất cách chữ I của dòng chữ “120PSI” trên má lốp bên phải là 20cm. Mặt trước thanh kim loại đỡ trục hàng bánh một bên phải có dấu vết trượt xước kích thước (8x3)cm. Mặt trước và mặt dưới của thanh trục giá đỡ hàng bánh thứ nhất có vùng dấu vết trượt, chùi sạch bụi bẩn chiều hướng từ trước về sau, kích thước (56x5)cm, điểm thấp nhất cách đất 33cm, điểm cao nhất cách đất 38cm. Mặt dưới đáy tắc te có vùng dấu vết trượt, chùi sạch bụi bẩn chiều hướng từ trước về sau, kích thước (30x10)cm, dấu vết là dạng các đường song song. Mặt trước và mặt dưới thanh kim loại phía dưới cản đà trước có dấu vết trượt xước chùi sạch bụi bẩn, bám dính rách thải vật chất màu đen, chiều hướng từ trước về sau kích thước (45x7) cm, tâm vết cách đất 47cm (BL 116-117).

Cơ quan CSĐT Công an huyện L đã tiến hành trưng cầu giám định cơ chế hình thành dấu vết xe ô tô BKS 98F-012.63, kéo rơ mooc 98R-031.48 và xe đạp của ông P1. Tại Bản kết luận giám định số 1103/KL-KTHS ngày 21/5/2024 của Phòng K Công an tỉnh B, kết luận: Dấu vết trượt xước, kim loại, bám dính chất màu đen (dạng sơn) tại bên phải ba đờ sóc trước của xe ô tô BKS 98F-012.63 kéo theo rơ mooc BKS 98R-031.48, có chiều hướng từ trước ra sau (ảnh số 5 bản ảnh khám phương tiện) phù hợp với dấu vết trượt xước sơn, kim loại tại bên trái khung giá đỡ hàng phía sau của xe đạp, có chiều hướng từ sau ra trước (ảnh số 15, 16 bản ảnh khám phương tiện).

Dấu vết mài sát sơn, nhựa, kim loại tại bên phải của xe đạp gồm: giá đỡ hàng, đầu ốc trục bánh sau, bàn đạp và bên trái của xe đạp gồm: giỏ xe, đầu tay nắm, đầu tay phanh được hình thành do va chạm với vật tày, cứng, có bề mặt không nhẵn (như mặt đường) tạo nên. Các dấu vết trên phù hợp với quá trình xe đạp nghiêng phải, bị đẩy rê trên mặt đường tạo nên hệ thống dấu vết cày xước ký hiệu số 3. Vị trí va chạm giữa xe ô tô BKS 98F-012.63 kéo theo rơ mooc BKS 98R-031.48 với xe đạp trên mặt đường tại trước điểm đầu hệ thống dấu vết cày xước ký hiệu số 3, thuộc khu vực giao nhau giữa đường Q với đường tỉnh lộ 295. Không đủ căn cứ xác định chiều hướng chuyển động và tốc độ của hai phương tiện tại thời điểm xảy ra tai nạn giao thông qua dấu vết cơ học (BL128-129).

Cơ quan CSĐT Công an huyện L đã trưng cầu giám định nguyên nhân chết, chất ma túy, nồng độ cồn đối với ông Lê Văn P1. Tại kết luận giám định tử thi số 987/KLGĐTT-KTHS ngày 06/5/2024 của Phòng K Công an tỉnh B, kết luận: Nguyên nhân chết của Lê Văn P1 do đa chấn thương: Chấn thương ngực bụng; gãy, vỡ xương chậu, xương đùi phải, xương cánh cẳng tay trái. Cơ chế hình thành dấu vết, thương tích: Các tổn thương bầm tím, sây sát, dập nát rách da được hình thành do tác động với vật tày có các hình dạng và bề mặt khác nhau tạo nên. Tổn thương gãy, vỡ phức tạp xương lồng ngực, xương chậu, xương đùi, xương cánh cẳng tay, dập nát tổ chức phần mềm được hình thành do vật tày có tiết diện giới hạn dạng chèn đè tạo nên (BL 65-66).

Tại bản kết luận giám định số 2613/KL-KTHS ngày 23/4/2024 của V Bộ C kết luận: Không tìm thấy các chất ma túy và sản phẩm chuyển hóa của chất ma túy trong mẫu máu ghi thu của ông Lê Văn P1 gửi giám định (BL 73).

Tại bản kết luận giám định số 2603/KL-KTHS ngày 12/4/2024 của V Bộ C kết luận: Mẫu máu thu của tử thi Lê Văn P1, sinh năm 1939 trú tại thôn T, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang gửi giám định không tìm thấy ethanol (cồn) (BL 79).

Ngày 15/4/2024, Cơ quan CSĐT Công an huyện L thu giữ 01 file video ghi lại diễn biến vụ tai nạn giao thông do chị Phạm Thị H2, sinh năm 1983 trú tại thị tứ B, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang giao nộp và gửi giám định. Tại bản kết luận giám định số 972/KL-KTHS ngày 03/5/2024 của Phòng K Công an tỉnh B, kết luận: Không phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong 01 file video có tên “6513647890387972849.mp4” dung lượng: 12,6MB; thời lượng: 01 phút 20 giây lưu trữ trong đĩa DVD-R gửi giám định. Tại thời điểm 11 giờ 04 phút 40 giây ngày 06/4/2024 (thời gian thể hiện trên khung hình file video) xảy ra va chạm giữa hai phương tiện, không xác định được vị trí va chạm giữa hai phương tiện thuộc phần đường nào, do hai phương tiện va chạm trong khu vực ngã tư đường giao nhau, không có vạch kẻ đường. Trích xuất được 16 (mười sáu) hình ảnh thể hiện diễn biến của sự việc trong file video gửi giám định (BL 87).

Như vậy căn cứ vào bản khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, biên bản khám nghiệm xe ô tô, xe đạp, kết luận giám định, lời khai của Nguyễn Văn T thì nguyên nhân xảy ra vụ tai nạn giao thông đường bộ nêu trên là do Nguyễn Văn T điều khiển xe ô tô không chú ý quan sát, chuyển hướng rẽ không đảm bảo an toàn, không giữ khoảng cách an toàn đối với xe chạy liền trước vi phạm khoản 2 Điều 15 Luật giao thông đường bộ.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi xảy ra vụ tai nạn Nguyễn Văn T và gia đình đã thỏa thuận bồi thường cho gia đình nạn nhân số tiền 100.000.000 đồng. Gia đình nạn nhân không yêu cầu bồi thường gì khác và có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho Nguyễn Văn T.

Về vật chứng: Cơ quan CSĐT Công an huyện L đã xử lý vật chứng trả lại 01 xe đạp nhãn hiệu HUGE, màu xanh đã qua sử dụng cho người đại diện gia đình bị hại (ông Lê Văn M, sinh năm 1973 trú tại thôn T, xã B, huyện L, tỉnh

Bắc Giang); Trả 01 xe ô tô BKS 98F-012.63 kéo sơ mi rơ moóc BKS 98R-031.48 cho anh Lý Văn T1.

Đối với 01 giấy phép lái xe mô tô hạng FC số 270079271094 do Sở giao thông vận tải tỉnh B cấp ngày 30/10/2019 mang tên Nguyễn Văn T, Cơ quan CSĐT Công an huyện L chuyển xử lý cùng vụ án.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn T đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân như đã nêu ở trên.

Bản Cáo trạng số: 796CT-VKS ngày 26/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự.

* Tại phiên tòa bị cáo xác định Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng, không oan. Ngoài ra bị cáo trình bày: Bị cáo có giấy phép lái xe hạng FC; bị cáo lái xe đầu kéo cho anh Lý Văn T1 và Giáp Văn T2 theo hợp đồng; xem bị cáo lái mang biển kiểm soát: 98F-012.63, kéo sơ mi rơ móóc. Ngày 06/4/2024 bị cáo lái xe từ thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn chở đá về xã T, huyện L; sau khi trở xong một chuyến, khoảng 10 giờ bị cáo lại lên Chi Lăng trở tiếp chuyến thứ 2; khi đi qua ngã tư thị tứ B, xã B thì ba đờ sóc xe bị cáo va vào ông Lê Văn P1 đi xem đập; hậu quả làm ông P1 chết. Bị cáo xác định nguyên nhân ông P1 chết là do bị cáo gây ra. Bị cáo và gia đình ông P1 đã thoả thuận bồi thường trách nhiệm dân sự 100.000.000 đồng, bị cáo đã bồi thường xong.

* Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố của Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 365 của Bộ luật hình sự (viết tắt là BLHS).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 12 đến 18 tháng tù về tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ, nhưng hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét.

Vật chứng: Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Trả lại bị cáo 01 Giấy phép lái xe hạng FC số 270079271094 do Sở giao thông vận tải tỉnh B cấp ngày 30/10/2019 mang tên Nguyễn Văn T.

Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UB Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo nộp 200.000 đồng tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Bị cáo tranh luận đối đáp: Bị cáo không tranh luận đối đáp gì với luận tội của Viện kiểm sát.

- Kết thúc tranh luận bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá một cách khách quan, toàn diện, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, đại diện bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đánh giá tính hợp pháp về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra - Công an huyện L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam, Kiểm sát viên:

Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó cần xác định các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra - Công an huyện L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam và Kiểm sát viên đã thực hiện là đúng pháp luật.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt. Xét thấy quá trình điều tra bị hại đã có lời khai đầy đủ lời khai tại hồ sơ vụ án nên việc vắng mặt của bị hại không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ vào Điều 292 của BLTTHS, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử; Chủ tọa phiên tòa công bố lời khai của người vắng mặt trong quá trình hỏi tại phiên tòa.

[2] Đánh giá chứng cứ:

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã khai nhận về toàn bộ hành vi của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản khám nghiệm nghiệm phương tiện liên quan đến vụ án giao thông và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 10 giờ 05 phút ngày 06/4/2024, Nguyễn Văn T có giấy phép lái xe hạng FC theo quy định điều khiển xe ô tô BKS 98F-012.63 kéo sơ mi rơ mooc

BKS 98R-031.48 đi trên đường T hướng xã B, huyện L đi Quốc lộ C, thị trấn K, huyện L. Khi đi đến K + 480 thuộc khu vực ngã tư thị tứ B, xã B, huyện L do không chú ý quan sát, chuyển hướng rẽ không đảm bảo an toàn, không giữ khoảng cách an toàn đối với xe chạy liền trước vi phạm khoản 2 Điều 15 Luật giao thông đường bộ nên để phần bên phải ba đờ sóc trước của xe ô tô BKS 98F-012.63 kéo sơ mi rơ moóc BKS 98R-031.48 do T điều khiển va chạm với phần bên trái khung giá đỡ hàng phía sau của xe đạp do ông Lê Văn P1 đang đi phía trước cùng chiều. Hậu quả ông P1 bị lốp xe bên phải phía trước xe ô tô của T điều khiển đè qua dẫn đến tử vong do đa chấn thương.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T không chú ý quan sát, chuyển hướng xe không đảm bảo an toàn, không giữ khoảng cách an toàn đối với xe chạy liền trước vi phạm khoản 2 Điều 15 Luật giao thông đường bộ, hậu quả làm chết 01 nên đã phạm vào Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ qui định tại điểm a khoản 1 Điều 260 của BLHS. Như vậy Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội:

Bị cáo T do chủ quan, trong lúc dừng xe ô tô, không tuân thủ quy định của Luật giao thông đường bộ, làm mất an toàn dẫn đến hậu quả là chết ông P1. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trật tự công cộng, đã gây tai nạn, hậu quả chết người. Do đó cần thiết phải xử lý bị cáo bằng pháp luật hình sự, nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo qui định tại Điều 52 BLHS.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo tại giai đoạn điều tra và tại phiên tòa khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; sau khi gây tai nạn đã bồi thường cho gia đình người bị hại; bị cáo và gia đình người bị hại đã tự nguyện hòa giải, gia đình bị hại đề nghị miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo; bị cáo có ông nội, bà nội và ông ngoại là người có công với nước, được Nhà nước tặng thưởng H3, Huy chương kháng chiến. Đây là những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tại giai đoạn điều tra, người đại diện hợp pháp của người bị hại xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Theo qui định tại Điều 29 BLHS thì bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại đã tự nguyện hòa giải và có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Nhưng do bị cáo phạm tội nghiêm trọng, làm chết một người. Vì vậy cần phải buộc bị cáo chịu trách nhiệm hình sự để răn đe và cải tạo giáo dục bị cáo chấp hành nghiêm pháp luật. Tuy nhiên, đây cũng là tình tiết giảm nhẹ hình phạt đáng kể cho bị cáo.

Bị cáo là người có nhân thân tốt; có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, ngoài lần phạm tội này, không còn lần phạm tội nào khác. Đối chiếu với

các quy định của khoản 1 Điều 1 của Nghị quyết số: 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì hành vi của bị cáo đủ điều kiện để được hưởng án treo. Do đó không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo hưởng án treo, cải tạo tại địa phương cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo trở thành người tốt và có ích cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 260 của BLHS qui định: Người phạm tội có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”. Xét thấy bị cáo là người dân lao động, nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung, nhằm điều kiện cho bị cáo có yên tâm cải tạo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Người đại diện hợp pháp của bị hại đã được bồi thường 100.000.000 đồng và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về vật chứng:

Cơ quan CSĐT Công an huyện L đã xử lý vật chứng trả lại 01 xe đạp nhãn hiệu HUGE, màu xanh đã qua sử dụng cho người đại diện gia đình bị hại (ông Lê Văn M, sinh năm 1973 trú tại thôn T, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang); Trả 01 xe ô tô BKS 98F-012.63 kéo sơ mi rơ mooc BKS 98R-031.48 cho anh Lý Văn T1 là đúng quy định.

Đối với 01 giấy phép lái xe mô tô hạng FC số 270079271094 do Sở giao thông vận tải tỉnh B cấp ngày 30/10/2019 mang tên Nguyễn Văn T cần trả lại cho bị cáo.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 01 (một) năm tù về tội Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Bắc Giang để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng: Điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại bị cáo Nguyễn Văn T: 01 Giấy phép lái xe hạng FC số 270079271094 do Sở giao thông vận tải tỉnh B cấp ngày 30/10/2019 mang tên Nguyễn Văn T.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều: 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Báo cho bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- - TAND tỉnh Bắc Giang;
- - VKSND tỉnh Bắc Giang;
- - VKSND huyện Lục Nam;
- - Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- - Công an huyện Lục Nam;
- - Bị cáo;
- - UBND nơi bị cáo cư trú;
- - Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Dương Thế Vinh